CTCP Nhiên liệu Sài Gòn

FireAnt

Ngày 31/03/2024	22,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.3%	**-2.1%**	**34.9%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	15,293 - 23,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	247
Số lượng CPLH (CP)	11,234,819
KLGD BQ 20 phiên (CP)	900
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	0.20
EPS	1,942
P/E	11.3

DT thuần
Q1/24
412
tỷ VNĐ
QoQ: ▼23.0| -5.3%
YoY: ▲ 33.0| 8.7%

LN trước thuế
Q1/24
7.50
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.12| 17.6%
YoY: ▼10.4| -58.1%

LN sau thuế
Q1/24
5.97
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.91| 17.9%
YoY: ▼8.33| -58.3%

ROA
2023
11.3%
+/- YoY: ▲ 4.4%

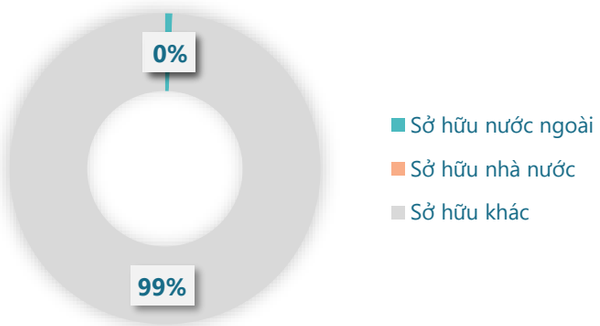
DT thuần
2023
1,602
tỷ VNĐ
YoY: ▼84.0| -4.9%

LN trước thuế
2023
37.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 15.8| 71.5%

LN sau thuế
2023
30.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.7| 72.0%

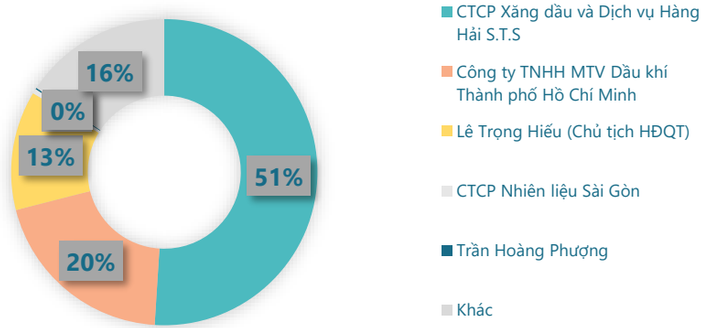
ROE
2023
18.3%
+/- YoY: ▲ 7.6%

Cơ cấu sở hữu



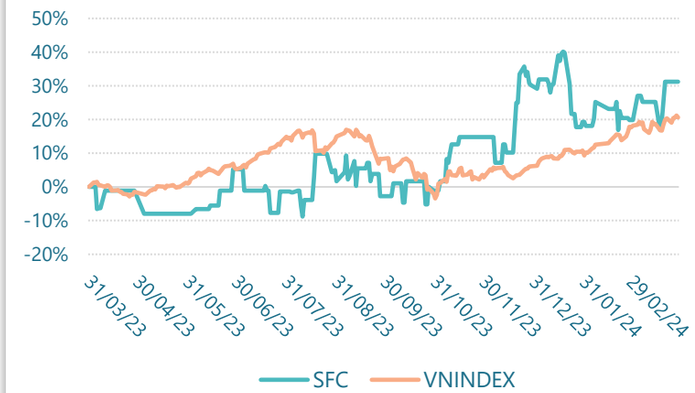
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

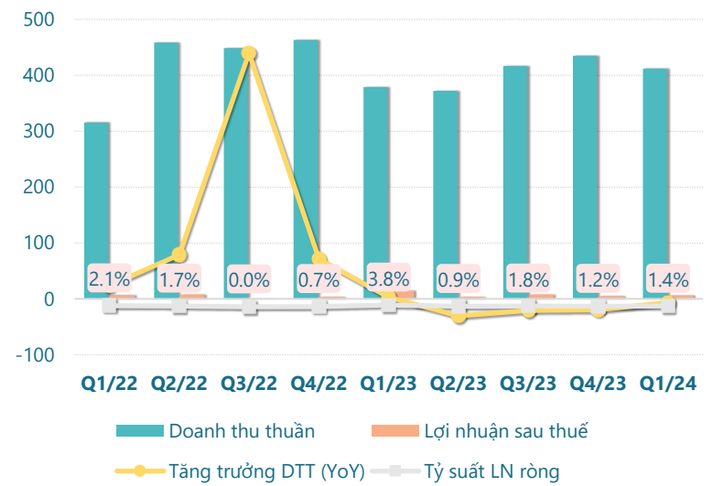


(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

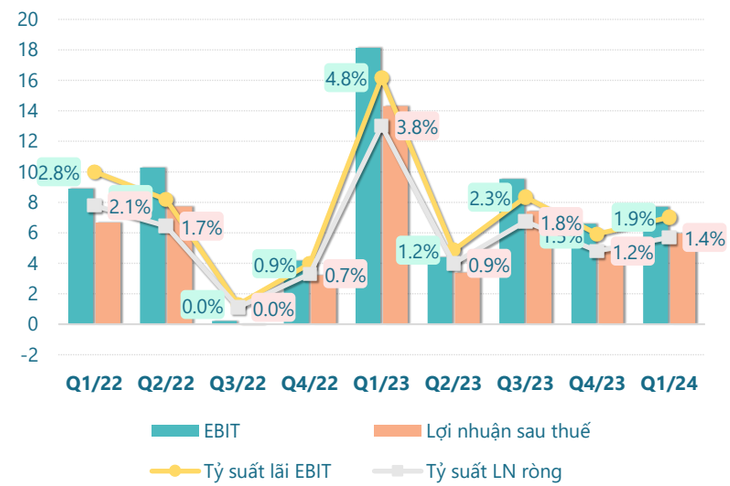


Kết quả kinh doanh



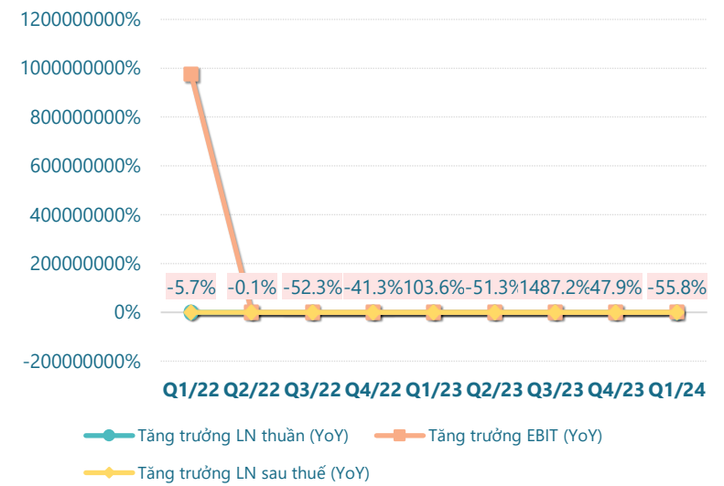
(Nguồn: fireant.vn)

EBIT - Lợi nhuận sau thuế



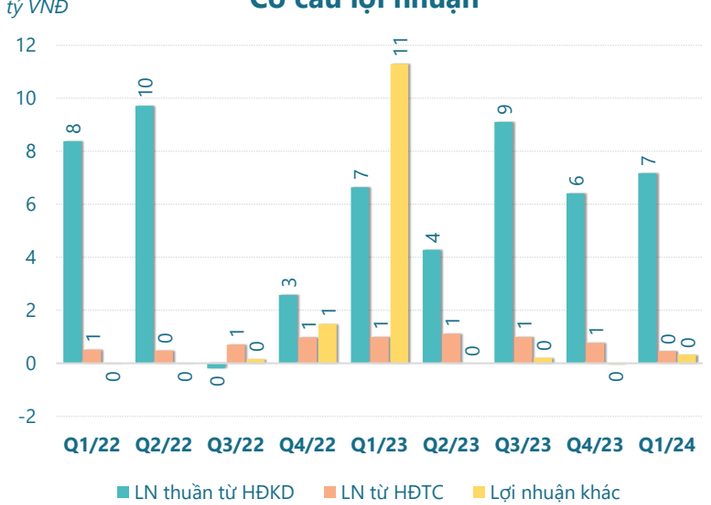
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



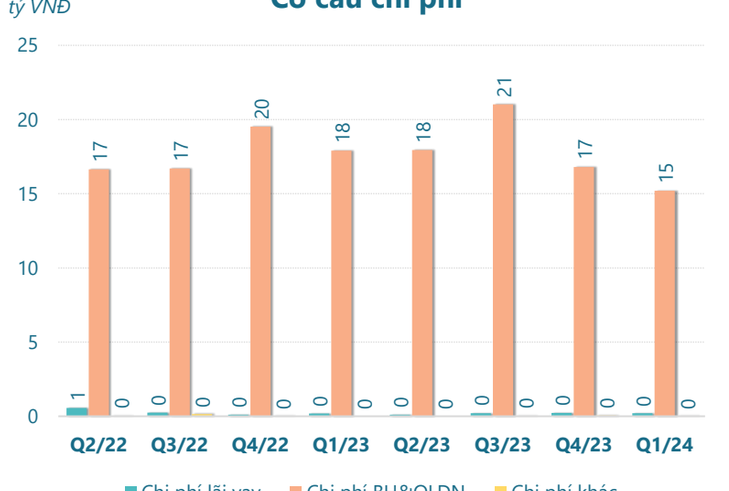
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu lợi nhuận



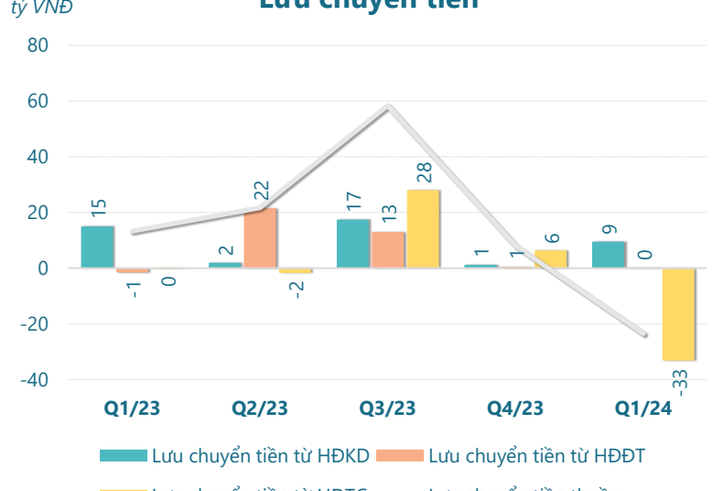
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu chi phí



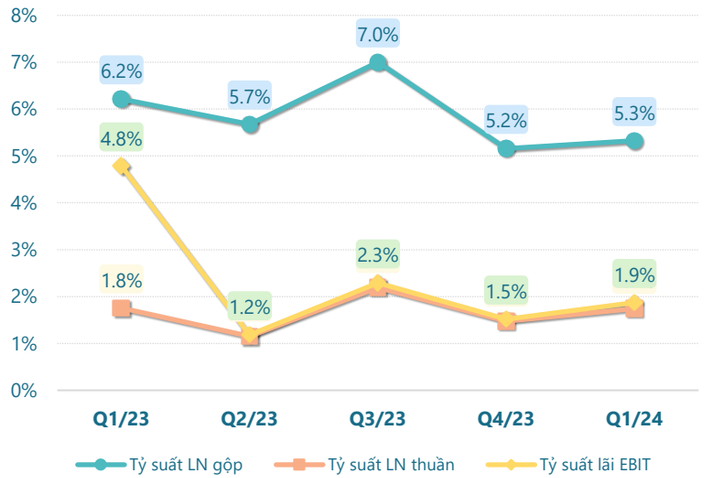
(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



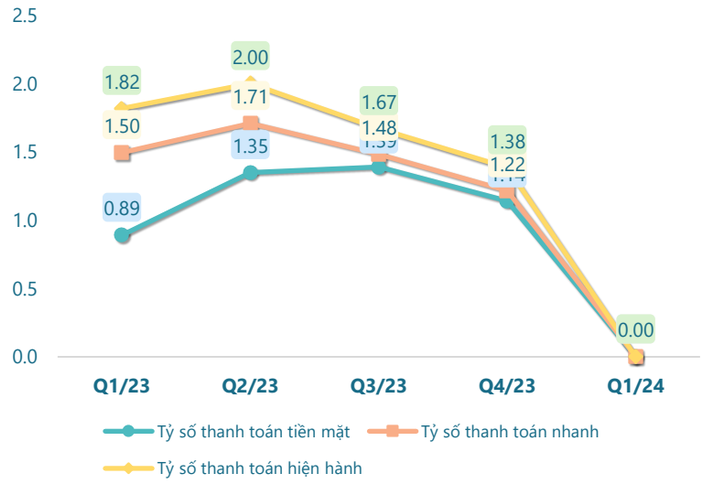
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



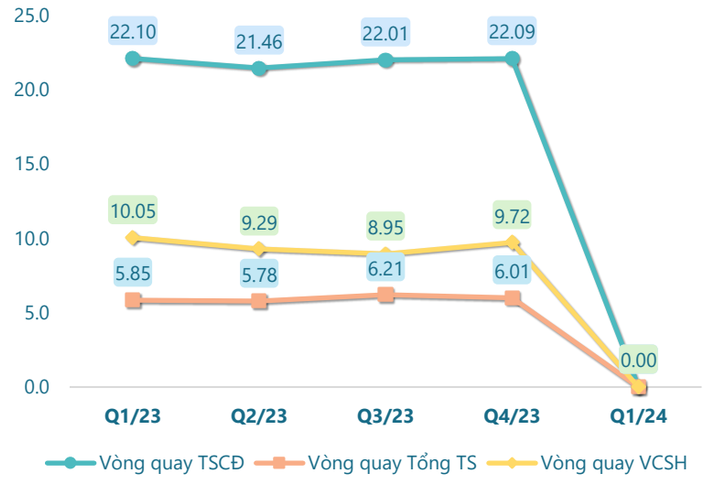
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



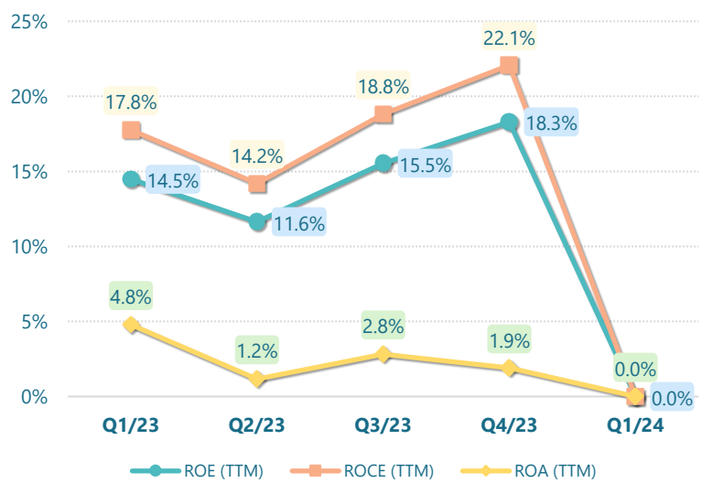
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



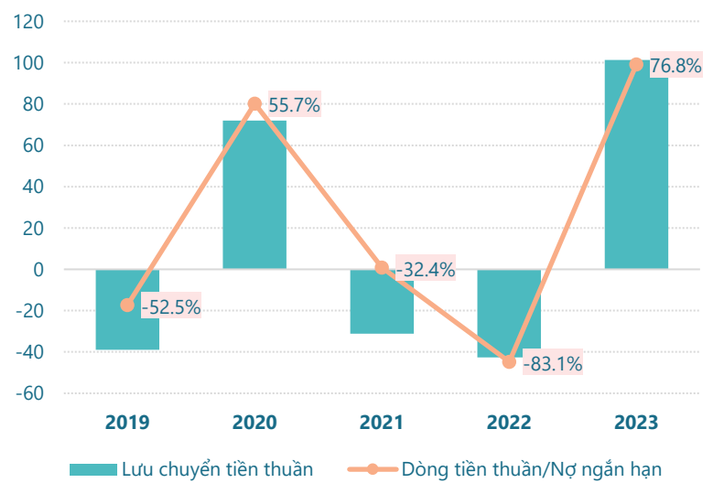
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



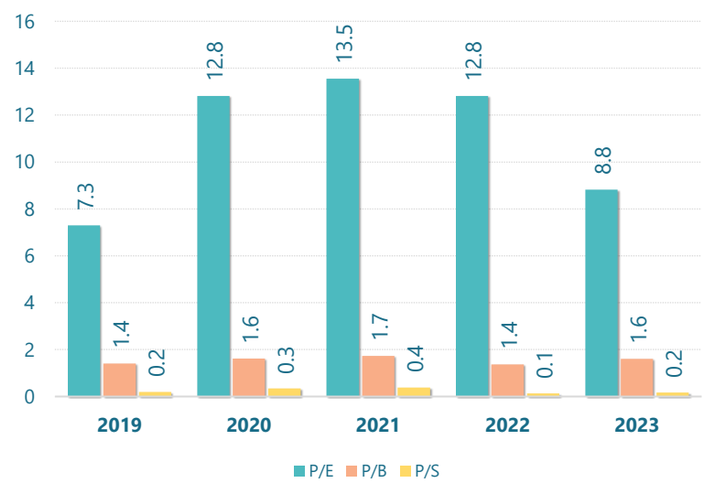
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)